

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Ngày 15/5/2022, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 711/SLĐTBXH-XH ngày 13/5/2022 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đề nghị thẩm định sự thảo Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh (*dự thảo Quyết định quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*); Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sau đây viết tắt là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*);

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*sau đây viết tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*);

- Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2021/TT-BTC*).

- Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*sau đây viết tắt là Thông tư số 76/2021/TT-BTC*);

- Quyết định số 90/QĐ - UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2022;

- Một số văn bản, tài liệu khác có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)

1. Sự cần thiết ban hành Quyết định

Ngày 01/3/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 186/QĐ-UBND về việc thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh (*sau đây viết tắt là Quyết định số 186/QĐ-UBND*). Tuy nhiên, hiện nay 04/04 căn cứ ban hành Quyết định số 186/QĐ-UBND đã hết hiệu lực thi hành hoặc đã được sửa đổi, bổ sung; trong đó, căn cứ pháp lý chính để ban hành Quyết định số 186/QĐ-UBND là Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội đã được thay thế bởi Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội đã được thay thế bởi Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH.

Tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định: “*Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Quyết định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*”.

Điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: a) Có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ chính sách; bố trí kinh phí; quyết định phương thức chi trả; kiểm tra, thanh tra và các nhiệm vụ khác có liên quan đến thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*”.

Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC quy định: “*Chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ*

% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương”.

Theo đó, thẩm quyền quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội và mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ các quy định nêu trên và khoản 1 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2020*)¹ thì việc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để bãi bỏ Quyết định số 186/QĐ-UBND là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

2. Dự thảo Quyết định

2.1. Căn cứ ban hành

Đề nghị bổ sung căn cứ: “*Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*”, vì điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BTC quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định này.

2.2. Điểm b khoản 1 (Phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội) Điều 2 và điểm a khoản 3 (Ủy ban nhân dân huyện, thành phố) Điều 3

- **Điểm b khoản 1 Điều 2** quy định: “*1. Phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội: ...b) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn đảm bảo theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội để thực hiện nhiệm vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng*”.

- **Điểm a khoản 3 Điều 3** quy định: “*3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: a) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trực tiếp ký hợp đồng thực hiện dịch vụ chi trả với tổ chức dịch vụ chi trả theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*”.

¹ Khoản 1 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2020*) quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định: 1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”.

Đề nghị gộp điểm b khoản 1 Điều 2 và điểm a khoản 3 Điều 3 thành 01 khoản bố trí tại Điều 3 (Tổ chức thực hiện) dự thảo Quyết định, trong đó quy định về trách nhiệm của Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội trong việc lựa chọn, ký hợp đồng thực hiện dịch vụ chi trả với tổ chức dịch vụ chi trả (*không quy định UBND huyện, thành phố lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội, chỉ đạo Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội ký hợp đồng*) cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP: "*Việc chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả được lập thành hợp đồng giữa cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tùy theo phân cấp của từng địa phương) và tổ chức dịch vụ chi trả, ...*".

2.3. Khoản 3 (Mức chi phí chi trả) Điều 2 quy định:

"3. Mức chi phí chi trả:

a) Đối với chi trả chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng: Được thanh toán hằng tháng cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả bằng 0,8% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội nhưng mức tối thiểu 700.000 đồng/xã, phường, thị trấn; tối đa không quá 2.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn.

b) Đối với chi trả các chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp bằng tiền và trợ cấp xã hội một lần: Được thanh toán một lần cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả bằng 0,8% trên tổng số tiền hỗ trợ cho đối tượng".

Tuy nhiên, khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC quy định: "*Chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương*".

Theo đó, dự thảo Quyết định đang quy định mức chi phí chi trả tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh với một mức chung như nhau, mà **chưa tính đến điều kiện địa bàn** theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 76/2021/TT-BTC, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc, xem xét quy định cho phù hợp.

3. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo

Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát lại toàn bộ dự thảo Quyết định để chỉnh sửa lỗi chính tả và thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản cho phù hợp với quy định tại Chương V (từ Điều 55 đến Điều 81) và Mẫu số 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*).

III. KẾT LUẬN

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Mục II Báo cáo thẩm định này; đồng thời rà soát lại toàn bộ nội dung dự thảo văn bản để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo văn bản cho phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Sau khi hoàn chỉnh theo khoản 1 Mục III Báo cáo này, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc STP;
- Sở LĐTBXH;
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
(Lan.06b)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược